

Sản phẩm bảo hiểm của Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Daiichi Việt Nam

Nghệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm hỗn hợp

Insurance Product of DAIICHI LIFE VIETNAM INSURANCE COMPANY, LIMITED

Product type: Endowment



TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG

SALES ILLUSTRATION MATERIAL

AN LỘC TÍCH LŨY THỊNH VƯỢNG

NEW ENDOWMENT



BẢO VỆ TÀI CHÍNH

FINANCIAL PROTECTION

An tâm tận hưởng cuộc sống với quyền lợi bảo vệ
từ x.xxx.xxx.xxx đồng

*Enjoy life with peace of mind with protection
benefits starting from VND x.xxx.xxx.xxx*



HOÀN PHÍ KHI ĐÁO HẠN HỢP ĐỒNG

PREMIUM REFUND AT POLICY MATURITY

Nhận xxx.xxx.xxx đồng khi đáo hạn

Receive VND xxx.xxx.xxx at policy maturity



CÁ NHÂN HÓA KẾ HOẠCH BẢO HIỂM

CUSTOMIZE YOUR INSURANCE PLAN

Đa dạng lựa chọn gia tăng bảo vệ

Flexible add-on options for greater protection

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÊM THÔNG TIN

SCAN QR CODES FOR MORE INFORMATION



Trang thông tin sản phẩm (bao gồm
Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)

*Product information page (including
Product Terms and Conditions)*



Công cụ tính phí -
Xây dựng kế hoạch bảo hiểm

*Financial Planning Tool for
building insurance plans*



Ứng dụng Daiichi Connect hỗ
trợ quản lý hợp đồng

*Daiichi Connect app for
policy management*

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAIICHI VIỆT NAM

DAIICHI LIFE VIETNAM INSURANCE CO., LTD

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 12/10/1999, Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2007, và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC33/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/08/2026; Vốn điều lệ: gần 9.800 tỷ đồng;

Operating in Life Insurance, Health Insurance, Reinsurance and Capital Investment under Investment License No. 2134/GP issued by the Ministry of Planning and Investment on October 12, 1999, Adjusted License No. 14/GPĐC10/KDBH issued by the Ministry of Finance on January 18, 2007, and Adjusted License No. 14/GPĐC33/KDBH issued by the Ministry of Finance on August 18, 2026; Charter capital: nearly VND 9,800 billion;

 Trụ sở chính/Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: Tòa nhà Daiichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Head Office/Customer Service Center: Daiichi Life Building, 149 - 151 Nguyen Van Troi, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City.

 Hotline: (028) 3810 0888

 Website: <https://daiichilife.com.vn>

 Email: customer.services@daiichilife.com.vn

THÔNG TIN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
GENERAL INFORMATION

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG/CUSTOMER INFORMATION

		Họ và tên Full name	Giới tính Gender	Tuổi tham gia bảo hiểm Entry age	Nhóm nghề nghiệp Occupation class
Bên mua bảo hiểm Policyholder	BMBH PO	PO	Nữ Female	28	1
Người được bảo hiểm chính Main Life Insured	NĐBH.1 LI.1	LI.1	Nam Male	30	1
Người được bảo hiểm bổ sung Additional Life Insured	NĐBH.2 LI.2	LI.2	Nữ Female	28	1
Người được bảo hiểm bổ sung Additional Life Insured	NĐBH.3 LI.3	LI.3	Nam Male	0	1

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM/INSURANCE PRODUCT INFORMATION

Sản phẩm/ <i>Insurance Product</i>	Số tiền bảo hiểm (đồng) <i>Sum Insured (VND)</i>	Thời hạn bảo hiểm (năm) <i>Insurance Term (year)</i>	Thời hạn đóng phí (năm) <i>Premium Term (year)</i>	Phí bảo hiểm (đồng) và Định kỳ đóng Phí bảo hiểm dự tính <i>Premium (VND) and Expected Premium Payment Frequency</i>		
				Năm <i>Yearly</i>	Nửa năm <i>Half yearly</i>	Quý <i>Quarterly</i>
Sản phẩm chính/ <i>Basic Product</i>						
NĐBH.1/ <i>LI.1</i> - LI.1 Sản phẩm bảo hiểm An Lộc Tích Lũy Thịnh Vượng <i>New Endowment</i>						
Sản phẩm bổ sung/bổ trợ/bán kèm (sau đây gọi chung là Sản phẩm bán kèm)/ <i>Rider</i>						
NĐBH.2/ <i>LI.2</i> - LI.2						

BH Chăm Sóc Điều Trị Sau Tai Nạn 24/7 <i>Enhanced Accidental Death and Disablement</i> BH Chăm Sóc Điều Trị Bệnh Hiểm Nghèo 24/7 <i>Additional Critical Illnesses 88 version 2</i> BH Hỗ Trợ Duy Trì Đóng Phí <i>Waiver of Premium version 2</i> BH Hỗ Trợ Viện Phí <i>Hospital Income</i> BH Chăm Sóc Điều Trị Bệnh Ung Thư 24/7 (2) <i>K-Care rider YRT (2)</i> BH Chăm Sóc Thai Sản Toàn Diện 24/7 (3) <i>Maternity (3)</i> - Chương trình bảo hiểm Cao Cấp – Đồng chi trả 20% <i>Elite insurance plan – Copay 20%</i>	Gia hạn hàng năm <i>Yearly renewal</i> Gia hạn hàng năm <i>Yearly renewal</i> Gia hạn hàng năm <i>Yearly renewal</i> Gia hạn hàng năm <i>Yearly renewal</i> Gia hạn hàng năm <i>Yearly renewal</i> Gia hạn hàng năm <i>Yearly renewal</i>
NDBH.3/LI.3 - LI.3 BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (1) (2) <i>Global Healthcare 24/7 (1) (2)</i> - Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng – Đồng chi trả 30% <i>Inpatient Benefits Super Elite – Copay 30%</i> - Quyền lợi Điều trị ngoại trú Thịnh Vượng <i>Outpatient Benefits Super Elite</i> - Quyền lợi Chăm sóc răng Thịnh Vượng <i>Dental Care Benefits Super Elite</i>	Gia hạn hàng năm <i>Yearly renewal</i> Gia hạn hàng năm <i>Yearly renewal</i>
Tổng cộng/Total	

Ghi chú:/Note:

(1) Thời hạn bảo hiểm là 01 (một) năm và được gia hạn hàng năm, nếu không có bên nào thông báo chấm dứt hiệu lực của Sản phẩm bán kèm này, cho đến một

Insurance Product of DAIICHI LIFE VIETNAM INSURANCE COMPANY, LIMITED

trong hai thời điểm sau, tùy thời điểm nào xảy ra trước: (i) Thời hạn đóng phí của Sản phẩm chính kết thúc hoặc (ii) Người được bảo hiểm của Sản phẩm bán kèm này đạt 75 tuổi. Phí bảo hiểm của Sản phẩm bán kèm này sẽ thay đổi hàng năm vào Ngày gia hạn năm hợp đồng theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm. Tham khảo thêm phí bảo hiểm hàng năm ở trang “Minh họa phí bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm”. Mức phí bảo hiểm này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

The Insurance term is 01 (one) year and is renewed annually, if no party notifies the termination of the validity of this Rider, until one of the following two events, whichever occurs first: (i) The premium term of the Basic Product ends or (ii) The Life Insured of this Rider reaches 75 years of age. The insurance premium of this Rider will change annually on the Policy Anniversary Date according to the attained age of the Life Insured. For details, please refer to the annual insurance premium on the page “Illustration of Insurance Premiums and Benefits”. This insurance premium may change after being approved by the Ministry of Finance.

(2) Bên mua bảo hiểm có yêu cầu chuyển đổi sang mức đồng chi trả 0% vào Ngày gia hạn năm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 6 tuổi.

Policyholder requests to switch to 0% co-payment on the Policy Anniversary Date immediately after the Life Insured reaches 6 years of age.

(3) Thời hạn bảo hiểm là 01 (một) năm và được gia hạn hàng năm, nếu không có bên nào thông báo chấm dứt hiệu lực của Sản phẩm bán kèm này, cho đến một trong hai thời điểm sau, tùy thời điểm nào xảy ra trước: (i) Thời hạn đóng phí của Sản phẩm chính kết thúc hoặc (ii) Người được bảo hiểm của Sản phẩm bán kèm này đạt 46 tuổi.

The insurance term is 01 (one) year and is renewed annually, provided that neither party gives notice to termination this Rider, until one of the following two events, whichever occurs first: (i) The premium term of the Basic Product ends or (ii) The Life Insured of this Rider reaches the age of 46.

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN/INDIVIDUAL INSURANCE AGENT INFORMATION

Họ và tên Đại lý bảo hiểm cá nhân/*Full name of Individual Insurance Agent*: Product Dummy Agent Mã số đại lý/*Insurance Agent code*: 158424

MINH HỌA PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
ILLUSTRATION OF PREMIUM AND INSURANCE BENEFITS

Đơn vị tính: nghìn đồng/Unit: thousand VND

Năm hợp đồng Tuổi Policy year Age	Phí bảo hiểm của Sản phẩm chính (a) Basic product premium (a)	Phí bảo hiểm của Sản phẩm chính cộng dồn qua hàng năm Accumulate d yearly premium of Basic product	Các Sản phẩm bán kèm có Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm Yearly renewable Rider(s)				Tổng Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bán kèm khác (c) Total premium of other Rider(s) (c)	Tổng bảo của đồng hiểm Total Premium of the Policy (d) = (a) + (b) + (c)	Phí hiểm Hợp bảo Death & TPD benefit	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/ TTTBVV	Giá trị hoàn lại Surrender Value
			BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 Global Heathcare 24/7	BH Hỗ Trợ Viện Phí Hospital Income	BH Chăm Sóc Điều Trị Bệnh Ung Thư 24/7 K-Care rider YRT	Tổng Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bán kèm có phí thay đổi hàng năm (b) Total premium of Yearly renewable Rider(s) (b)					
QUYỀN LỢI ĐÁO HẠN MATURITY BENEFIT			Tổng phí bảo hiểm đã đóng của Sản phẩm chính Total paid premium of Basic product								
			Số tiền nhận khi đáo hạn hợp đồng Amount received at policy maturity								

Ghi chú:/Note:

- Phí bảo hiểm trong Tài liệu minh họa bán hàng này không bao gồm phí tăng vì lý do sức khỏe.

The premiums shown in this Illustration material do not include health loading premium.

- Số tiền thể hiện ở cột “BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7” bao gồm Quyền lợi Điều trị nội trú, Quyền lợi Điều trị ngoại trú và Quyền lợi Chăm sóc răng (nếu Khách hàng có chọn lựa tham gia thêm).

The amount shown under the "Global Healthcare 24/7" column includes Inpatient Benefits, Outpatient Benefits and Dental Care Benefits (if the customer opts for these additional coverages).

- Giá trị hoàn lại là số tiền Khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại được xác định theo tỷ lệ Tổng phí bảo hiểm đã đóng của Sản phẩm chính tại thời điểm Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm và được quy định chi tiết trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Surrender Value is the amount the customer will receive if they request to terminate the insurance policy while it is still in force. Surrender Value is only payable if the policy has accrued a surrender value. It is determined based on a percentage of the total premiums paid for the Basic product at the time the Policyholder requests policy termination and is specified in detail in the Product Terms and Conditions.

- Quyền lợi Đáo hạn được tính trên Tổng phí bảo hiểm đã đóng của Sản phẩm chính, không bao gồm các khoản phí tăng thêm do thẩm định liên quan đến sức khỏe, lối sống, nơi cư trú/làm việc.

Maturity benefit is calculated based on the total premiums paid for the Basic product, excluding any loading premiums due to health, lifestyle, or residential/occupational underwriting.

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU
INSURANCE BENEFITS OF GLOBAL HEALTHCARE 24/7
THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM/LIFE INSUREDS' INFORMATION



Mức phí hợp lý, bảo vệ toàn cầu với 5 lựa chọn về Chương trình bảo hiểm.
Affordable premium, global coverage with 5 options of Insurance plan.



Chi trả lên đến 2 tỷ đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.
Up to VND 2 billion coverage per Illness/Injury.



Chi trả chi phí Điều trị ung thư bao gồm cả liệu pháp miễn dịch và trúng đích.
Coverage for cancer treatment, including immunotherapy & targeted therapy.



Chi trả chi phí Tiền phòng và Tiền phòng Chăm sóc đặc biệt lên đến 100 ngày/năm cho mỗi Bệnh/Thương tật.
Coverage for Intensive Care Unit (ICU) up to 100 days/year per Illness/Injury.

Bảo vệ sức khỏe cho bạn và gia đình trên toàn thế giới
Protecting the health of you and your family worldwide

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÔNG TIN
SCAN QR CODE FOR MORE INFORMATION



Trang thông tin sản phẩm (bao gồm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)
Product information page (including Product Terms & Conditions)



Danh sách cơ sở y tế bảo lãnh viện phí tại Việt Nam và nước ngoài
List of medical facilities in direct billing network in Vietnam & overseas.

HỌ VÀ TÊN <i>FULL NAME</i>	TUỔI THAM GIA BẢO HIỂM <i>ENTRY AGE</i>	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM <i>INSURANCE PLAN</i>	THỜI HẠN BẢO HIỂM <i>INSURANCE TERM</i>	PHÍ BẢO HIỂM <i>PREMIUM</i>
LI.3	0	Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng – Đồng chi trả 30% (*) <i>Inpatient Benefits Super Elite – Copay</i>	Gia hạn hàng năm đến hết thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, tối đa đến 9 tuổi <i>Yearly renewal until the end of the</i>	VND

		30% (*)	Policy term, up to age 9	
		Quyền lợi Điều trị ngoại trú Thịnh Vượng <i>Outpatient Benefits Super Elite</i>	Gia hạn hàng năm đến hết thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, tối đa đến 9 tuổi <i>Yearly renewal until the end of the Policy term, up to age 9</i>	VND
		Quyền lợi Chăm sóc răng Thịnh Vượng <i>Dental Care Benefits Super Elite</i>	Gia hạn hàng năm đến hết thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, tối đa đến 9 tuổi <i>Yearly renewal until the end of the Policy term, up to age 9</i>	VND
Tổng phí bảo hiểm của tất cả các Sản phẩm BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 trong Hợp đồng bảo hiểm: <i>Total premium of all Global Healthcare 24/7 products in the Policy:</i>				VND

(*) Bên mua bảo hiểm có yêu cầu chuyển đổi sang mức đồng chi trả 0% sau khi Người được bảo hiểm đạt 6 tuổi. Mức đồng chi trả sẽ tự động chuyển đổi thành 0% vào Ngày gia hạn năm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 6 tuổi.

(*)Policyholder requests to switch to 0% co-payment once the Life Insured reaches the age of 6. The co-payment level will automatically convert to 0% on the Policy Anniversary Date immediately following the Life Insured's 6th birthday.

BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7
SCHEDULE OF BENEFITS OF GLOBAL HEALTHCARE 24/7

Chi trả chi phí y tế của NĐBH. Chi tiết quyền lợi bảo hiểm tương ứng theo Chương trình bảo hiểm.
Cover for the Life Insured's medical expenses. Details of insurance benefits according to the Insurance Plan.

Đơn vị tính: đồng/Unit: VND

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM/ <i>INSURANCE PLAN</i>	CƠ BẢN <i>PRIME</i>	PHỔ THÔNG <i>CLASSIC</i>	ĐẶC BIỆT <i>SUPERIOR</i>	CAO CẤP <i>ELITE</i>	THỊNH VƯỢNG <i>SUPER ELITE</i>
Quyền lợi tối đa một Bệnh/Thương tật (áp dụng cho Quyền lợi Điều trị nội trú và Quyền lợi Điều trị ngoại trú) <i>Maximum Overall Limit for any ONE Illness/Injury</i> <i>(Applicable to Inpatient Benefits and Outpatient Benefist)</i>	150,000,000	300,000,000	600,000,000	1,000,000,000	2,000,000,000
trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này <i>during the product lifetime</i>					

A. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ/ <i>INPATIENT BENEFITS</i>	MỨC GIỚI HẠN PHỤ/ <i>SUB-LIMIT</i>				
	CƠ BẢN <i>PRIME</i>	PHỔ THÔNG <i>CLASSIC</i>	ĐẶC BIỆT <i>SUPERIOR</i>	CAO CẤP <i>ELITE</i>	THỊNH VƯỢNG <i>SUPER ELITE</i>
Phạm vi địa lý/ <i>Treatment area</i>	Toàn cầu/ <i>Worldwide</i>				
Đồng chi trả/ <i>Co-payment</i>	30% hoặc 20% hoặc 0% được ghi trên Chứng nhận bảo hiểm. <i>30% or 20% or 0% as stated in Insurance Certificate.</i>				
1. ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ/ <i>INPATIENT TREATMENT</i>					
1.1. Chi phí Phẫu thuật nội trú/ <i>Cost for Inpatient Surgery</i>					
a) Mỗi cuộc Phẫu thuật cho mỗi Bệnh/Thương tật <i>per operation per Illness/Injury</i>	12,500,000	25,000,000	50,000,000	75,000,000	125,000,000
b) Mỗi Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật <i>per year per Illness/Injury</i>	25,000,000	50,000,000	100,000,000	150,000,000	250,000,000
1.2. Tiền phòng/Ngày nằm viện/ <i>Room Charge/Hospitalization days</i>	750,000	1,500,000	2,500,000	3,000,000	6,000,000
	Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật. <i>Maximum 100 Hospitalization days per year per Illness/Injury</i>				

1.3. Tiền phòng Chăm sóc đặc biệt (ICU)/Ngày nằm viện <i>Intensive Care Unit (ICU)/Hospitalization days</i>	1,050,000	2,100,000	3,150,000	5,250,000	Chi phí y tế thực tế <i>Actual medical costs</i>
Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật. <i>Maximum 100 Hospitalization days per year per Illness/Injury</i>					
1.4. Tiền giường cho người thân/Ngày nằm viện (khi chăm sóc Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi) <i>Bed for relative/Hospitalization days (for taking care of the Life Insured under the age of 18)</i>	250,000	500,000	750,000	1,000,000	1,250,000
Tối đa 10 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật. <i>Maximum 10 Hospitalization days per year per Illness/Injury</i>					
1.5. Chi phí Điều dưỡng tại nhà/ngày <i>Cost for Home nursing/day</i>	125,000	250,000	350,000	500,000	750,000
Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật. <i>Maximum 30 days per year per Illness/Injury</i>					
1.6. Chi phí Vật lý trị liệu/Năm hợp đồng <i>Cost for Physical Therapy/year</i>	1,000,000	2,000,000	4,000,000	6,000,000	10,000,000
1.7. Chi phí Điều trị nội trú khác/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật <i>Cost for Other Inpatient treatment/year per Illness/Injury</i>	10,000,000	20,000,000	40,000,000	60,000,000	100,000,000
2. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ, ĐIỀU TRỊ TRONG NGÀY VÀ ĐIỀU TRỊ CẤP CỨU/ <i>OUTPATIENT, DAY TREATMENT AND EMERGENCY TREATMENT</i>					
2.1. Phẫu thuật ngoại trú/Phẫu thuật trong ngày/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật <i>Outpatient Surgery/ Day Surgery/year per Illness/Injury</i>	2,500,000	5,000,000	10,000,000	15,000,000	25,000,000
2.2. Chạy thận nhân tạo/Năm hợp đồng <i>Kidney dialysis per year</i>	Không áp dụng <i>Not applicable</i>	5,000,000	10,000,000	15,000,000	25,000,000
2.3. Cấp cứu do Tai nạn/Năm hợp đồng cho mỗi Thương tật <i>Accidental emergency treatment/year per Injury</i>	1,050,000	2,100,000	5,250,000	10,500,000	15,000,000
2.4. Tổn thương răng do Tai nạn/Năm hợp đồng cho mỗi Thương tật <i>Treatment of Accidental damage to teeth/year per Injury</i>	1,500,000	3,000,000	5,000,000	7,500,000	10,000,000
2.5. Chi phí xe cấp cứu/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	1,500,000	3,000,000	5,000,000	Chi phí y tế thực tế <i>Actual medical expenses</i>	

<i>Ambulance charges/year per Illness/Injury</i>					
3. ĐIỀU TRỊ ĐẶC BIỆT (bao gồm Điều trị nội trú, Điều trị ngoại trú, Điều trị trong ngày) <i>SPECIAL TREATMENT BENEFITS (including Inpatient, Outpatient and Day treatment)</i>					
3.1. Điều trị ung thư/Oncology treatment					
a) Chi phí điều trị hóa trị (tiêm và truyền) và xạ trị <i>Cost of Chemotherapy (by infusion and injection) and Radiation therapy treatment</i>	Chi phí y tế thực tế <i>Actual medical expenses</i>				
b) Chi phí điều trị liệu pháp miễn dịch (tiêm và truyền) và trúng đích (tiêm và truyền)/Năm hợp đồng <i>Cost of Immunotherapy (by infusion and injection) and Targeted Cancer Therapy treatment (by infusion and injection)/year</i>	10,000,000	20,000,000	40,000,000	60,000,000	100,000,000
c) Chi phí Điều trị nội trú <i>Cost of Inpatient Treatment</i>	Theo Mức giới hạn phụ của mục 1. Điều trị nội trú <i>Subject to the Sub-limit of 1. INPATIENT TREATMENT</i>				
3.2. Cấy ghép bộ phận cho Người được bảo hiểm (người nhận bộ phận) và người hiến bộ phận cho Người được bảo hiểm/cho mỗi bộ phận được cấy ghép, bao gồm: thận, tim, gan và tủy xương trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này <i>Organ transplant for the Life Insured (the recipient) and the donors (for the Life Insured) per transplanted organ including kidney, heart, liver, and bone marrow during the product lifetime</i>	75,000,000	150,000,000	250,000,000	500,000,000	1,000,000,000
	Chi phí y tế của người hiến bộ phận cho Người được bảo hiểm không được vượt quá 50% giới hạn của quyền lợi này. <i>Medical costs relating to the donor's organ transplantation must not exceed 50% of this benefit limit.</i>				
3.3. Điều trị Tình trạng bẩm sinh/di truyền trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này <i>Treatment of congenital conditions, birth defects, genetic during the product lifetime</i>	Không áp dụng <i>Not applicable</i>	15,000,000	25,000,000	35,000,000	55,000,000
3.4. Điều trị Biến chứng thai sản/lần mang thai <i>Treatment of maternity complications per each pregnancy</i>	Không áp dụng <i>Not applicable</i>	15,000,000	25,000,000	35,000,000	55,000,000

QUYỀN LỢI LỰA CHỌN THÊM: (tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm)/**OPTIONAL BENEFITS:** (depending on Policyholder option)

B. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ	MỨC GIỚI HẠN PHỤ/SUB-LIMIT
--	-----------------------------------

OUTPATIENT BENEFITS	CƠ BẢN PRIME	PHỔ THÔNG CLASSIC	ĐẶC BIỆT SUPERIOR	CAO CẤP ELITE	THỊNH VƯỢNG SUPER ELITE
Phạm vi địa lý/ <i>Treatment area</i>	Không áp dụng <i>Not applicable</i>	Việt Nam/ <i>Vietnam</i>			
Quyền lợi tối đa mỗi Năm hợp đồng/ <i>Maximum Limit per year</i>		5,000,000	10,000,000	15,000,000	25,000,000
1. Chi phí Điều trị ngoại trú theo Y học hiện đại/Lần khám <i>Outpatient treatment for Modern Medicine per visit</i>		1,000,000	2,000,000	4,000,000	6,500,000
2. Chi phí Điều trị ngoại trú theo Y học thay thế/Năm hợp đồng <i>Outpatient treatment for Alternative Medicine per year</i>		1,500,000	2,500,000	4,000,000	6,500,000
C. QUYỀN LỢI CHĂM SÓC RĂNG DENTAL CARE BENEFITS	MỨC GIỚI HẠN PHỤ/<i>SUB-LIMIT</i>				
	CƠ BẢN PRIME	PHỔ THÔNG CLASSIC	ĐẶC BIỆT SUPERIOR	CAO CẤP ELITE	THỊNH VƯỢNG SUPER ELITE
Phạm vi địa lý/ <i>Treatment area</i>	Không áp dụng <i>Not applicable</i>			Việt Nam/ <i>Vietnam</i>	
Quyền lợi tối đa mỗi Năm hợp đồng/ <i>Maximum limit per year</i>				10,500,000	10,500,000
1. Chi phí cạo vôi răng/Năm hợp đồng <i>Teeth Scaling per year</i>				1,000,000	1,000,000
2. Chi phí Điều trị nha khoa khác (không bao gồm chi phí cầu răng, implant, răng giả tháo lắp, flipper, trám răng bằng vàng và kim loại quý) <i>Other dental treatment (Excluding the cost of Tooth-supported bridge, Implant-supported bridge, Removable partial dentures, Flipper, Gold, and precious metal fillings)</i>				Chi phí y tế thực tế <i>Actual medical expenses</i>	

Lưu ý:/Note:
Thời gian chờ là thời gian mà bất kỳ sự kiện bảo hiểm nào của Quyền lợi Điều trị nội trú và/hoặc Quyền lợi Điều trị ngoại trú và/hoặc Quyền lợi Chăm sóc răng xảy ra do Bệnh sẽ không được chi trả (trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa Daiichi Life Việt Nam và Bên mua bảo hiểm). Thời gian chờ này được áp dụng như sau:
The waiting period is the time during which insurance events under the Inpatient benefits and/or Outpatient benefits and/or Dental Care benefits due to illness will not be covered (unless otherwise agreed between Daiichi Life Vietnam and the Policyholder). The waiting period is as follows:
(i) 30 (ba mươi) ngày tính từ ngày Daiichi Life Việt Nam chấp thuận bảo hiểm Quyền lợi Điều trị nội trú và/hoặc Quyền lợi Điều trị ngoại trú và/hoặc

Quyền lợi Chăm sóc răng; hoặc 10 (mười) ngày tính từ ngày Daiichi Life Việt Nam chấp nhận khôi phục hiệu lực gần nhất của sản phẩm bảo hiểm này; tùy ngày nào xảy ra sau.

(i) 30 (thirty) days from the date Daiichi Life Vietnam accepts insurance for Inpatient benefits, Outpatient benefits and/or Dental Care benefits; or 10 (ten) days from the date Daiichi Life Vietnam accepts the most recent reinstatement of this product, whichever occurs later.

(ii) 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày bắt đầu Thời hạn bảo hiểm của Năm hợp đồng đầu tiên của sản phẩm bảo hiểm này cho những Bệnh đặc biệt.

(ii) 90 (ninety) days from the start date of Insurance term of the first Policy year of this product for Special illnesses.

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC THAI SẢN TOÀN DIỆN 24/7
INSURANCE BENEFITS OF MATERNITY

THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM/LIFE INSURED'S INFORMATION

HỌ VÀ TÊN <i>FULL NAME</i>	TUỔI THAM GIA BẢO HIỂM <i>ENTRY AGE</i>	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM <i>INSURANCE PLAN</i>	THỜI HẠN BẢO HIỂM <i>INSURANCE TERM</i>	PHÍ BẢO HIỂM <i>PREMIUM</i>
LI.2	28	Cao Cấp – Đồng chi trả 20% <i>Elite – Copay 20%</i>	Gia hạn hàng năm đến hết thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, tối đa đến 46 tuổi <i>Yearly renewal until the end of the Policy term, up to age 46</i>	VND
Tổng phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm BH Chăm Sóc Thai Sản Toàn Diện 24/7 trong Hợp đồng bảo hiểm: <i>Total premium of all Maternity products in the Policy:</i>				VND

BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC THAI SẢN TOÀN DIỆN 24/7
SCHEDULE OF BENEFITS OF MATERNITY

Đơn vị tính: đồng/Unit: VND

A. QUYỀN LỢI CHĂM SÓC THAI SẢN <i>MATERNITY CARE BENEFIT</i>	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM/ <i>INSURANCE PLAN</i>			
	PHỔ THÔNG <i>CLASSIC</i>	ĐẶC BIỆT <i>SUPERIOR</i>	CAO CẤP <i>ELITE</i>	THỊNH VƯỢNG <i>SUPER ELITE</i>
Phạm vi địa lý/ <i>Treatment area</i>	Toàn cầu/ <i>Worldwide</i>			
Đồng chi trả/ <i>Co-payment</i>	20% hoặc 0% được ghi trên Chứng nhận bảo hiểm. <i>20% or 0% as stated in Insurance Certificate.</i>			
Hạn mức chi trả tối đa/Năm hợp đồng <i>Maximum Overall Limit for Maternity Care Benefit/per policy year</i>	15.000.000	25.000.000	35.000.000	55.000.000
Quyền lợi nhân đôi hạn mức (Áp dụng trong trường hợp Người được bảo hiểm sinh từ 2 con trở lên trong cùng 1 lần sinh) <i>Miracle Multiples Birth Benefit (Applicable where the Life Insured gives birth to two or more children in a single delivery)</i>	15.000.000	25.000.000	35.000.000	55.000.000

A1. QUYỀN LỢI SINH CON/CHILDBIRTH BENEFIT				
1. Chi phí Sinh thường/Normal delivery	Chi phí y tế thực tế <i>Actual medical costs</i>			
2. Chi phí Sinh mổ/Caesarean delivery	Chi phí y tế thực tế <i>Actual medical costs</i>			
3. Chi phí Chăm sóc trẻ sơ sinh (Trong vòng 7 ngày sau sinh) <i>Newborn care (within 7 days from birth)</i>	Chi phí y tế thực tế <i>Actual medical costs</i>			
4. Chi phí y tế chăm sóc thai sản/Medical charges	Mức giới hạn phụ/Sub-limit			
4.1. Tiền phòng/Ngày nằm viện <i>Room & Board/ per day</i>	1.500.000	2.500.000	3.000.000	6.000.000
4.2. Tiền phòng Chăm sóc đặc biệt (ICU)/Ngày nằm viện <i>ICU/ per day</i>	2.100.000	3.150.000	5.250.000	Chi phí y tế thực tế <i>Actual medical costs</i>
A2. QUYỀN LỢI KHÁM THAI/PREGNANCY CHECK-UP BENEFIT				
Chi phí Khám thai/Năm hợp đồng <i>Pregnancy check-up/ per policy year</i>	1.500.000	2.500.000	3.000.000	6.000.000
B. QUYỀN LỢI BIẾN CHỨNG THAI SẢN <i>PREGNANCY COMPLICATION BENEFIT</i> (Số tiền chi trả cố định/Biến chứng thai sản)/ (Fixed payout amount/Pregnancy complication)	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM/INSURANCE PLAN			
	PHỔ THÔNG <i>CLASSIC</i>	ĐẶC BIỆT <i>SUPERIOR</i>	CAO CẤP <i>ELITE</i>	THỊNH VƯỢNG <i>SUPER ELITE</i>
B1. QUYỀN LỢI BIẾN CHỨNG THAI SẢN PHỔ BIẾN/PREGNANCY COMPLICATION RECOVERY BENEFIT				
1. Thai chết lưu từ tuần thai thứ 20 trở đi/Stillbirth from the 20th week of pregnancy onward	1.500.000	2.500.000	3.500.000	5.500.000
2. Thai trứng/Hydatidiform mole				
3. Thai ngoài tử cung/Ectopic pregnancy				
4. Thuyên tắc ối/Amniotic fluid embolism				
5. Vỡ tử cung/Hysterorrhexis/Uterine Rupture				

6. Băng huyết sau khi sinh cần cắt tử cung/ <i>Postpartum hemorrhage requiring Hysterectomy</i>				
7. Sót nhau thai trong tử cung sau sinh có gây biến chứng nhiễm trùng/ <i>Retained placenta in the uterus after delivery with infectious complications</i>				
8. Phá thai điều trị theo chỉ định của Bác sĩ/ <i>Therapeutic abortion as prescribed by a Physician</i>				
B2. QUYỀN LỢI BIẾN CHỨNG THAI SẢN NGHIÊM TRỌNG/SEVERE PREGNANCY COMPLICATION BENEFIT				
1. Nhau bong non/ <i>Abruptio Placentae</i>	3.000.000	5.000.000	7.000.000	11.000.000
2. Sản giật/ <i>Eclampsia</i>				
3. Gan nhiễm mỡ cấp tính thai kỳ/ <i>Severe Acute Fatty Liver of Pregnancy</i>				
4. Đông máu nội mạch rải rác/ <i>Disseminated Intravascular Coagulation</i>				
5. Thuyên tắc phổi khi mang thai/ <i>Pulmonary Embolism of pregnancy</i>				
6. U nguyên bào nuôi thai kỳ/ <i>Gestational Trophoblastic Neoplasia</i>				

Lưu ý/Note: Thời gian chờ là khoảng thời gian mà nếu bất kỳ sự kiện bảo hiểm nào xảy ra thì quyền lợi bảo hiểm liên quan sẽ không được chi trả (trừ khi có thỏa thuận khác giữa Daiichi Life Việt Nam và Bên mua bảo hiểm), cụ thể như sau:

The waiting period is the period during which any insured event occurs, the corresponding insurance benefits shall not be payable (unless otherwise agreed between Daiichi Life Vietnam and the Policyholder). The waiting period is applied as follows:

(i) Quyền lợi Sinh con: 270 ngày tính từ Ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm của Năm hợp đồng đầu tiên; hoặc Ngày Daiichi Life Việt Nam chấp thuận yêu cầu tăng Chương trình bảo hiểm (áp dụng cho phần tăng thêm); hoặc Ngày khôi phục hiệu lực gần nhất của sản phẩm này, tùy ngày nào xảy ra sau.

Childbirth Benefit: 270 (two hundred and seventy) days from the start date of the Insurance Term of the first Policy Year; or from the date Daiichi Life Vietnam approves the request for increase of the Benefit Plan (applicable to the increased portion); or from the most recent reinstatement date of this product, whichever occurs later.

(ii) Quyền lợi Khám thai và Quyền lợi Biến chứng thai sản: 90 ngày tính từ Ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm của Năm hợp đồng đầu tiên; hoặc Ngày Daiichi Life Việt Nam chấp thuận yêu cầu tăng Chương trình bảo hiểm (áp dụng cho phần tăng thêm); hoặc Ngày khôi phục hiệu lực gần nhất của sản phẩm này, tùy ngày nào xảy ra sau.

Pregnancy check-up Benefit and Pregnancy Complication Benefit: 90 (ninety) days from the start date of the Insurance Term of the first Policy Year; or from the date Daiichi Life Vietnam approves the request for increase the Benefit Plan (applicable for increased portion); or from the most recent reinstatement date of this product, whichever occurs later.

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN LỘC TÍCH LŨY THỊNH VƯỢNG *INSURANCE BENEFITS OF NEW ENDOWMENT*

STBH: Số tiền bảo hiểm/*SI: Sum Insured*

NĐBH: Người được bảo hiểm/*LI: Life Insured*

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM <i>INSURANCE BENEFITS</i>	SỰ KIỆN BẢO HIỂM <i>INSURANCE EVENTS/CONDITIONS</i>	QUYỀN LỢI <i>BENEFITS</i>
QLBH Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn <i>Death or Total & Permanent Disability Benefit</i>	NĐBH tử vong; hoặc <i>Main LI dies; or</i> NĐBH bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 71. <i>Main LI suffers from Total and Permanent Disability before reaching 71.</i>	Nhận giá trị nào lớn hơn giữa: <i>Receive greater value of:</i> (i) Số tiền bảo hiểm, trừ đi các Khoản nợ (nếu có) (*); và <i>(i) SI, minus any outstanding debt (if any); and</i> (ii) Tổng phí bảo hiểm đã đóng của sản phẩm này (không bao gồm các khoản phí tăng thêm do thẩm định liên quan đến sức khỏe, lối sống, nơi cư trú/làm việc) tại thời điểm NĐBH tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, trừ đi các Khoản nợ (nếu có). <i>(ii) Total premiums paid for this product (excluding loading premium due to health, lifestyle, or residential/occupational underwriting) at the time the Main LI dies or suffers from Total and Permanent Disability, minus any outstanding debt (if any).</i> (*). Nếu NĐBH tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước khi tròn 3 tuổi, STBH sẽ được điều chỉnh với tỷ lệ thấp hơn 100% theo quy định Điều 5.1 của Quy tắc và Điều khoản. <i>(*). If the Main LI dies or suffers from Total and Permanent Disability before reaching age 3, the SI will be adjusted to less than 100% in accordance with Article 5.1 of the Terms and Conditions.</i>
QLBH Chu toàn hậu sự <i>Funeral Support Benefit</i>	NĐBH tử vong sau 01 năm Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực hoặc được khôi phục hiệu lực gần nhất và nguyên nhân tử vong không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm.	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng/NĐBH cho tất cả Hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực và phát sinh QLBH Chu toàn hậu sự.

	<i>The death event occurs after 01 year from the Effective Date of the Policy or from the most recent date that Daiichi Life Vietnam accepts to reinstate the Policy, whichever occurs later; and the cause of death of the Main LI is not subject to insurance exclusions.</i>	<i>Advance 10% of Death benefit and up to VND 30 million/Main LI for all valid Insurance Policies with Funeral Support Benefit.</i>
QUYỀN LỢI KHÁC <i>OTHER BENEFITS</i>	ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI <i>INSURANCE EVENTS/CONDITIONS</i>	QUYỀN LỢI <i>BENEFITS</i>
Quyền lợi Đáo hạn <i>Maturity Benefit</i>	Ngày đáo hạn Hợp đồng bảo hiểm. <i>On the Policy Maturity Date.</i> <u>Điều kiện:</u> Hợp đồng bảo hiểm vẫn còn hiệu lực đến hết ngày liền trước Ngày đáo hạn hợp đồng. <i>Condition: The Insurance Policy remains in force until the end of the day immediately preceding the Policy Maturity Date.</i>	xxx.xxx.xxx đồng <i>VND xxx.xxx.xxx</i> (tương ứng với xxx% Tổng phí bảo hiểm đã đóng của sản phẩm này, không bao gồm các khoản phí tăng thêm do thẩm định liên quan đến sức khỏe, lối sống, nơi cư trú/làm việc). <i>(Equivalent to xxx% of the total premiums paid for this product, excluding loading premiums due to health, lifestyle, or residential/occupational underwriting).</i> Daiichi Life Việt Nam sẽ khấu trừ Khoản nợ (nếu có) trước khi chi trả Quyền lợi Đáo hạn <i>Daiichi Life Vietnam will deduct outstanding Debt (if any) before paying the Maturity Benefit.</i>

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
SẢN PHẨM BÁN KÈM
INSURANCE BENEFITS OF RIDER(S)

STBH: Số tiền bảo hiểm/*SI: Sum Insured*

NĐBH: Người được bảo hiểm/*LI: Life Insured*

SẢN PHẨM RIDER	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM INSURANCE BENEFITS	
BẢO HIỂM CHĂM SÓC ĐIỀU TRỊ SAU TAI NẠN 24/7 ENHANCED ACCIDENTAL DEATH AND DISABLEMENT	QLBH Tử vong do Tai nạn hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do Tai nạn <i>Accidental Death or Accidental Total and Permanent Disability Benefits</i>	Nhận 300% STBH nếu Tai nạn xảy ra khi NĐBH là hành khách có mua vé trên chuyến bay thương mại. <i>Receive 300% SI if the Accident occurs while the LI is a fare-paying passenger on a commercial flight.</i>
		Nhận 200% STBH nếu Tai nạn xảy ra khi NĐBH (i) là hành khách có mua vé trên các phương tiện giao thông công cộng đường bộ và đường thủy, hoặc (ii) đang ở trong thang máy công cộng, hoặc (iii) chịu hậu quả trực tiếp do hỏa hoạn tại các tòa nhà công cộng. <i>Receive 200% SI if the Accident occurs while the LI is (i) a fare-paying passenger on public road or waterway transportation, or (ii) in a public elevator, or (iii) suffering direct consequences of a fire in a public building.</i>
		Nhận 120% STBH nếu Tai nạn xảy ra khi NĐBH (i) đang điều khiển Xe máy hoặc được chở bằng Xe máy khi tham gia giao thông đường bộ, hoặc (ii) bị ảnh hưởng trực tiếp của dòng điện. <i>Receive 120% SI if the Accident occurs while the LI is (i) riding or being carried on a motorbike on public roads, or (ii) suffering direct consequences of electrocution.</i>
		Nhận 100% STBH với Tai nạn khác. <i>Receive 100% SI for other Accidents.</i>
	QLBH Thương tật do Tai nạn <i>Accidental Disability Benefits</i>	Nhận 1% đến 100% STBH tùy theo tình trạng Thương tật. <i>Receive 1% to 100% SI depending on the severity of the Disability.</i>
	QLBH Hỗ trợ viện phí do Tai nạn <i>Accidental Hospital Income Benefits</i>	Nhận 300.000 đồng/Ngày nằm viện. <i>Receive VND 300.000/Hospitalization day</i>

		Nhận thêm 300.000 đồng/Ngày nằm viện ngoài lãnh thổ Việt Nam. <i>Extra VND 300.000/Hospitalization day outside of territory of Vietnam.</i>
		Nhận thêm 300.000 đồng/Ngày nằm viện tại Khoa/phòng chăm sóc đặc biệt (ICU). <i>Extra VND 300.000/Hospitalization day in the Intensive Care Unit (ICU).</i>
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật do Tai nạn <i>Accidental Injuries necessitating Surgery under General Anesthesia or Spinal Anesthesia Benefit</i>	Nhận 1% STBH (Tối đa 100 triệu đồng) cho mỗi năm hợp đồng khi NĐBH phải trải qua Phẫu thuật có gây mê toàn thân hoặc gây tê tủy sống. <i>Receive 1% SI (not exceeding VND 100 million) for each Policy year when the LI suffer Accidental Injuries necessitating Surgery under General Anesthesia or Spinal Anesthesia.</i>
BẢO HIỂM CHĂM SÓC ĐIỀU TRỊ BỆNH HIỂM NGHÈO 24/7 <i>ADDITIONAL CRITICAL ILLNESSES 88 VERSION 2</i>	QLBH Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ <i>Early-Stage Critical Illnesses Benefit</i>	Nhận 50% STBH khi mắc 01 trong 35 Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ thuộc danh sách Bệnh hiểm nghèo nhưng không vượt quá Giới hạn chi trả theo quy định của Quy tắc và Điều khoản Sản phẩm bán kèm này. <i>Receive 50% SI upon diagnosis of 01 of 35 Early Stage Critical Illnesses listed under the Critical Illnesses coverage, subject to the Payment Limit specified in the Terms & Conditions of this rider.</i> Nếu NĐBH mắc Bệnh ung thư tuyến giáp giai đoạn rất sớm: <i>If the LI is diagnosed with Very-Early-Stage Thyroid Cancer:</i> - Nhận trước QLBH Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ của “Nhóm bệnh: Bệnh Ung Thư/Loạn Sản Tủy Hay Xơ Hóa Tủy Xương”, tối đa 100 triệu đồng cho tất cả các Hợp đồng bảo hiểm có cùng NĐBH và chỉ được chi trả nếu chưa có quyền lợi cho Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ nào trong Nhóm bệnh này được chi trả trước đó. <i>Receive an advance payment of the Early-Stage Critical Illness Benefit under the “Cancer/Myelodysplastic Syndrome/Myelofibrosis” Critical Illness Group, up to a maximum of VND 100 million for all insurance policies covering the same LI, and only if no other Early-Stage Critical Illness Benefit has been paid previously under this Group.</i> - Daiichi Life Việt Nam chỉ khấu trừ QLBH đã chi trả cho Bệnh ung thư tuyến giáp giai đoạn sớm (nếu có) khi chi trả bất kỳ QLBH nào của Sản phẩm bán kèm này đối với Nhóm bệnh này.

		<i>Daiichi Life Vietnam will deduct the amount already paid for Very Early Stage Thyroid Cancer (if any) before paying any subsequent Critical Illness Benefit under this Group for this rider.</i>
	QLBH Bệnh hiểm nghèo nghiêm trọng <i>Late-Stage Critical Illnesses Benefit</i>	Nhận 100% STBH khi mắc 01 trong 53 Bệnh hiểm nghèo nghiêm trọng thuộc danh sách Bệnh hiểm nghèo nhưng không vượt quá Giới hạn chi trả theo quy định của Quy tắc và Điều khoản Sản phẩm bán kèm này. <i>Receive 100% SI upon diagnosis of 01 of 53 Late-Stage Critical Illnesses listed under the Critical Illness coverage, subject to the Payment Limit specified in the Terms & Conditions.</i> Khấu trừ quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ trong cùng Nhóm bệnh đã được chi trả trước đó (nếu có). <i>Deduct the Early-Stage Critical Illnesses Benefit under the same Group previously paid (if any).</i>
BẢO HIỂM HỖ TRỢ DUY TRÌ ĐÓNG PHÍ <i>WAIVER OF PREMIUM VERSION 2</i>	QLBH Hỗ trợ đóng phí <i>Premium Support Benefit</i>	Nếu NĐBH bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 71 hoặc tử vong, kể từ Ngày đến hạn đóng phí định kỳ tiếp theo ngay sau ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm: quyền lợi bảo hiểm được chi trả dưới hình thức thanh toán các khoản phí bảo hiểm cho Sản phẩm chính, Sản phẩm bán kèm (nếu có) và Phí bảo hiểm đóng thêm (với Sản phẩm chính thuộc nghiệp vụ bảo hiểm Liên kết đầu tư) với quyền lợi chi trả cụ thể như sau: <i>If the LI suffers from Total and Permanent Disability or dies before age 71, starting from the next periodic premium due date immediately following the date of the insured event, the insurance benefit will be paid in the form of premium payments for the Basic Product, any Rider(s), and Excess Premiums (for the Basic Product under Investment-Linked Insurance) with the following payment terms:</i> - Trong Năm hợp đồng hiện hành: Tỷ lệ chi trả tương ứng trên STBH tùy thuộc vào định kỳ đóng phí theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm. <i>In the current Policy Year: The payment rate corresponding to the SI depends on the premium payment frequency as specified in the Product Terms & Conditions.</i> - Vào mỗi Năm hợp đồng kế tiếp: 100% STBH. <i>In each subsequent Policy Year: 100% SI.</i>

BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ <i>HOSPITAL INCOME</i>		Sau khi thanh toán các khoản phí bảo hiểm, phần quyền lợi bảo hiểm còn dư (nếu có) sẽ được giữ tại HDBH, không tính lãi và chi trả theo yêu cầu của BMBH. <i>After paying all insurance premiums, the remaining insurance benefit (if any) will be retained in the Policy without interest and paid upon the Policyholder's request.</i> Nếu HDBH chấm dứt hiệu lực do NDBH của Sản phẩm chính tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn khi QLBH Hỗ trợ đóng phí đã được chấp thuận chi trả: nhận một lần toàn bộ QLBH đã phát sinh nhưng chưa đến thời điểm chi trả. <i>If the Policy is terminated due to the death or Total and Permanent Disability of the Main LI when the Waiver of Premium Benefit has been approved for payment: receive a lump sum payment of all accrued but unpaid Waiver of Premium Benefits.</i>
	QLBH Hỗ trợ tài chính <i>Financial Support Benefit</i>	Nếu NDBH bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 71 hoặc tử vong, nhận 200% STBH trừ đi các Khoản nợ (nếu có). <i>If the LI suffers from Total and Permanent Disability before age 71 or dies, receive 200% SI minus any outstanding debts (if any).</i>
	QLBH Hỗ trợ viện phí <i>Daily Hospital Cash benefit</i>	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. <i>Receive 100% SI for each day of hospitalization.</i> Tối đa 20 ngày/Đợt nằm viện, 100 ngày/Năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia Sản phẩm bán kèm này. <i>Maximum 20 days per admission, 100 days per Policy year, and not exceeding 1,000 days throughout the duration of participation in this Rider.</i>
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt <i>Intensive Care Unit (ICU) Cash Benefit</i>	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. <i>Receive an additional 100% SI for each day of hospitalization in the Intensive Care Unit (ICU).</i> Tối đa 10 ngày/Đợt nằm viện và 50 ngày/Năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia Sản phẩm bán kèm này. <i>Maximum 10 days per admission, 50 days per Policy year, and not exceeding 500 days throughout the duration of participation in this Rider.</i>
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật <i>Surgical Cash Benefit</i>	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. <i>Receive an additional 500% SI for each hospitalization involving surgery.</i>

		Tối đa 1 lần phẫu thuật/Đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/Năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia Sản phẩm bán kèm này. <i>Maximum 1 surgery per admission, 5 surgeries per Policy year, and not exceeding 20 surgeries throughout the duration of participation in this Rider.</i>
	QLBH Điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn <i>Emergency Ward Treatment Cash Benefit</i>	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. <i>Receive an additional 100% SI for each hospitalization involving emergency treatment due to an accident.</i> Tối đa 1 lần điều trị/Đợt nằm viện, 5 lần điều trị/Năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia Sản phẩm bán kèm này. <i>Maximum 1 emergency treatment per admission, 5 treatments per Policy year, and not exceeding 20 treatments throughout the duration of participation in this Rider.</i>
	QLBH Hỗ trợ điều trị ngoại trú <i>Outpatient Treatment Cash Benefit</i>	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. <i>Receive 100% SI for each dialysis session or cancer chemotherapy/radiation therapy session.</i> Tối đa 100 lần điều trị/Năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia Sản phẩm bán kèm này. <i>Maximum 100 treatment sessions per Policy year and not exceeding 1,000 sessions throughout the duration of participation in this Rider.</i>
<i>Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của Sản phẩm bán kèm này không vượt quá 1.000 lần STBH.</i> <i>Note: The total benefits paid under this product cannot exceed 1,000 times the SI.</i>		

BH CHĂM SÓC ĐIỀU TRỊ BỆNH UNG THƯ 24/7 K-CARE RIDER YRT	QLBH Bệnh ung thư thể nhẹ Early Stage Cancer Benefit	Nhận 50% STBH nếu NĐBH được chẩn đoán Bệnh ung thư thể nhẹ, tối đa 600 triệu đồng cho tất cả các Hợp đồng bảo hiểm có cùng NĐBH tham gia các sản phẩm bán kèm sau: <i>Receive 50% SI, but not exceeding VND 600 (six hundred) million for all policies with the same LI under these products:</i> - Sản phẩm Bảo hiểm hỗ trợ điều trị bệnh ung thư; <i>K-Care rider;</i> - Sản phẩm Bảo hiểm hỗ trợ điều trị bệnh ung thư – Tái tục hàng năm; <i>K-Care rider YRT;</i> (Các) sản phẩm bán kèm khác có quyền lợi Bệnh ung thư thể nhẹ. <i>Any other riders that provide an Early Stage Cancer Benefit.</i> <u>Điều kiện:</u> - Còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày có kết quả chẩn đoán Bệnh ung thư. - Giới hạn chi trả cho QLBH này là tối đa 01 Bệnh ung thư thể nhẹ trong suốt thời gian tham gia bảo hiểm. <u>Conditions:</u> <i>Survives for at least 14 days from the date of Diagnosis.</i> <i>Payment Limit is maximum of 01 Late Stage Cancer throughout the duration of participation.</i> Nhận trước QLBH Bệnh ung thư thể nhẹ, tối đa 100 triệu đồng cho tất cả các Hợp đồng bảo hiểm có cùng NĐBH của cùng sản phẩm này nếu NĐBH được chẩn đoán Bệnh ung thư tuyến giáp giai đoạn rất sớm. <i>Accelerated payout of the full Early Stage Cancer Benefit, but not exceeding VND 100 (one hundred) millions for all policies with the same LI under this product if LI is diagnosed with Very Early Thyroid Cancer.</i> QLBH đã chi trả cho Bệnh ung thư tuyến giáp giai đoạn rất sớm (nếu có) sẽ được khấu trừ khi chi trả QLBH cho Bệnh ung thư thể nhẹ hoặc Bệnh ung thư nghiêm trọng. <i>Deduct the benefits already paid for Very Early Thyroid cancer (if any) before paying for any benefits for Early Stage Cancer or Late-Stage Cancer</i> <u>Điều kiện:</u> - Còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày có kết quả chẩn đoán Bệnh ung thư. - Chưa có quyền lợi cho Bệnh ung thư thể nhẹ nào được chi trả trước đó. <u>Conditions:</u> <i>Survives for at least 14 days from the date of Diagnosis.</i>
---	--	---

		<i>No Early Stage Cancer Benefit has been paid previously.</i>
	QLBH Bệnh ung thư nghiêm trọng <i>Late-Stage Cancer Benefit</i>	Nhận 100% STBH, khấu trừ QLBH Bệnh ung thư thể nhẹ đã được chi trả trước đó (nếu có) nếu NDBH được chẩn đoán Bệnh ung thư nghiêm trọng. <i>Receive 100% SI and deduct any Early Stage Cancer Benefit previously paid (if any) if LI is diagnosed with Late-Stage Cancer.</i> <u>Điều kiện:</u> <i>Còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày có kết quả chẩn đoán Bệnh ung thư.</i> <i>Giới hạn chi trả cho QLBH này là tối đa 01 Bệnh ung thư nghiêm trọng trong suốt thời gian tham gia bảo hiểm.</i> <u>Conditions:</u> <i>Survives for at least 14 days from the date of Diagnosis.</i> <i>Payment Limit is maximum of 01 Late Stage Cancer during the insurance coverage period.</i>
	QLBH Bệnh ung thư đặc biệt <i>Special Cancer Benefit</i>	Nhận thêm 50% STBH nếu NDBH được chẩn đoán Bệnh ung thư nghiêm trọng thuộc một trong các Bệnh ung thư nguyên phát: Ung thư tụy/tuyến tụy, ung thư phổi, ung thư não, ung thư tử cung (loại trừ ung thư cổ tử cung) và ung thư bạch cầu (lơ xê mi). <i>Receive extra 50% SI if LI is diagnosed with Late-Stage Cancer falls within any of the following Primary Cancers: Pancreatic cancer, Lung cancer, Brain cancer, Uterine cancer (excluding Cervical cancer), Leukemia.</i>
	QLBH Bệnh ung thư theo giới tính <i>Gender Cancer Benefit</i>	Nhận thêm 25% STBH nếu NDBH được chẩn đoán Bệnh ung thư nghiêm trọng thuộc một trong các Bệnh ung thư theo giới tính: <i>Receive extra 25% SI if LI is diagnosed with Late-Stage Cancer falls within any of the following Gender Cancer:</i> Nữ giới: Ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư buồng trứng. <i>Female: Breast cancer, Cervical cancer, Ovarian cancer.</i> Nam giới: Ung thư tuyến tiền liệt, ung thư tinh hoàn, ung thư dương vật. <i>Male: Prostate cancer, Testicular cancer, Penile cancer.</i>
	<i>Lưu ý: Quyền lợi chỉ được chi trả nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra sau Thời gian chờ; Trường hợp NDBH mắc cùng lúc nhiều hơn 01 Bệnh ung thư (bao gồm Bệnh ung thư thể nhẹ và/hoặc Bệnh ung thư nghiêm trọng): sẽ nhận QLBH cho duy nhất 01 Bệnh ung thư có số tiền được chi trả cao nhất.</i> <i>Note: Benefit is payable only if the insured event occurs after the Waiting Period. If LI is diagnosed with multiple Cancers simultaneously (including Early Stage Cancer and/or Late-Stage Cancer): received Benefit for only 01 Cancer with the highest payable amount.</i>	

THÔNG TIN ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM
EXCLUSION LISTS

Daiichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Khách hàng vui lòng tham khảo Điều khoản loại trừ tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm tương ứng như sau:

Daiichi Life Vietnam will not pay insurance benefits if the insured event falls under any of the exclusion conditions specified in the Product Term & Conditions. Please refer to the summary of exclusion conditions in the brochures and the Terms & Conditions of each product:

SẢN PHẨM <i>INSURANCE PRODUCT</i>	THÔNG TIN QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN <i>TERMS & CONDITIONS</i>	ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM <i>EXCLUSION ARTICLE</i>
BẢO HIỂM AN LỘC TÍCH LŨY THỊNH VƯỢNG <i>NEW ENDOWMENT</i>	Quy tắc và Điều khoản được ban hành theo Quyết định số 252/GD/Dai-ichi/2025 ngày 15/04/2025 của Tổng Giám đốc Daiichi Life Việt Nam. <i>The Terms & Conditions is issued under Decision No. 252/GD/Dai-ichi/2025 dated April 15, 2025, by the General Director of Daiichi Life Vietnam.</i>	Điều 7 <i>Article 7</i>
BẢO HIỂM CHĂM SÓC ĐIỀU TRỊ SAU TAI NẠN 24/7 <i>ENHANCED ACCIDENTAL DEATH AND DISABLEMENT INSURANCE</i>	Quy tắc và Điều khoản được ban hành theo Quyết định số 411/GD/Dai-ichi/2025 ngày 30/05/2025 của Tổng Giám đốc Daiichi Life Việt Nam. <i>The Terms & Conditions is issued under Decision No. 411/GD/Dai-ichi/2025 dated May 30, 2025, by the General Director of Daiichi Life Vietnam.</i>	Điều 3 <i>Article 3</i>
BẢO HIỂM CHĂM SÓC ĐIỀU TRỊ BỆNH HIỂM NGHÈO 24/7 <i>ADDITIONAL CRITICAL ILLNESSES 88 VERSION 2</i>	Quy tắc và Điều khoản được ban hành theo Quyết định số 410/GD/Dai-ichi/2025 ngày 30/05/2025 của Tổng Giám đốc Daiichi Life Việt Nam. <i>The Terms & Conditions is issued under Decision No. 410/GD/Dai-ichi/2025 dated May 30, 2025, by the General Director of Daiichi Life Vietnam.</i>	Điều 3 <i>Article 3</i>
BẢO HIỂM HỖ TRỢ DUY TRÌ ĐÓNG PHÍ	Quy tắc và Điều khoản được ban hành theo Quyết định số	Điều 3

WAIVER OF PREMIUM VERSION 2	412/GD/Dai-ichi/2025 ngày 28/05/2025 của Tổng Giám đốc Daiichi Life Việt Nam. <i>The Terms & Conditions is issued under Decision No. 412/GD/Dai-ichi/2025 dated May 30, 2025, by the General Director of Daiichi Life Vietnam.</i>	<i>Article 3</i>
BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7 GLOBAL HEALTHCARE 24/7	Quy tắc và Điều khoản được ban hành theo Quyết định số 373/GD/Dai-ichi/2025 ngày 30/05/2025 của Tổng Giám đốc Daiichi Life Việt Nam. <i>The Terms & Conditions is issued under Decision No. 373/GD/Dai-ichi/2025 dated May 30, 2025, by the General Director of Daiichi Life Vietnam.</i>	Điều 2 <i>Article 2</i>
BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ HOSPITAL INCOME	Quy tắc và Điều khoản được ban hành theo Quyết định số 372/GD/Dai-ichi/2025 ngày 30/05/2025 của Tổng Giám đốc Daiichi Life Việt Nam. <i>The Terms & Conditions is issued under Decision No. 372/GD/Dai-ichi/2025 dated May 30, 2025, by the General Director of Daiichi Life Vietnam.</i>	Điều 3 <i>Article 3</i>
BẢO HIỂM CHĂM SÓC THAI SẢN TOÀN DIỆN 24/7 MATERNITY	Quy tắc và Điều khoản được ban hành theo Quyết định số 1065/GD/Dai-ichi/2025 ngày 02/12/2025 của Tổng Giám đốc Daiichi Life Việt Nam. <i>The Terms & Conditions is issued under Decision No. 1065/GD/Dai-ichi/2025 dated December 02, 2025, by the General Director of Daiichi Life Vietnam.</i>	Điều 3 <i>Article 3</i>
BẢO HIỂM CHĂM SÓC ĐIỀU TRỊ BỆNH UNG THƯ 24/7 K-CARE RIDER YRT	Quy tắc và Điều khoản được ban hành theo Quyết định số 409/GD/Dai-ichi/2026 ngày 19/06/2026 của Tổng Giám đốc Daiichi Life Việt Nam. <i>The Terms & Conditions is issued under Decision No. 409/GD/Dai-ichi/2026 dated June 19, 2026, by the General Director of Daiichi Life Vietnam.</i>	Điều 3 <i>Article 3</i>

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG/IMPORTANT NOTES

- Bên mua bảo hiểm cần chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu Bên mua bảo hiểm muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, vui lòng liên hệ với Daiichi Life Việt Nam hoặc đại lý bảo hiểm của Daiichi Life Việt Nam.

Policyholder should ensure that this insurance policy meets their needs and financial capability. If the Policyholder requires further information or clarification regarding the insurance product(s), please contact Daiichi Life Vietnam or insurance agent(s).

- Để có thông tin đầy đủ về quyền lợi bảo hiểm và các điều kiện liên quan đến các quyền lợi bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản của tất cả sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website <https://daiichilife.com.vn> và Quy tắc và Điều khoản được Daiichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành.

For detailed information regarding insurance benefits and related conditions, Policyholder should refer to the Term & Conditions of all insurance products, which are publicly available at the website <https://daiichilife.com.vn>, and the physical Product Term and Conditions provided by Daiichi Life Vietnam upon policy issuance.

- Nếu Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm không cung cấp đầy đủ và chính xác thông tin khi tham gia Hợp đồng bảo hiểm và (các) Sản phẩm bán kèm/khôi phục hiệu lực/có yêu cầu điều chỉnh hợp đồng, Daiichi Life Việt Nam có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và (các) Sản phẩm bán kèm/hủy bỏ yêu cầu khôi phục hiệu lực/hủy bỏ (các) yêu cầu điều chỉnh hợp đồng của Bên mua bảo hiểm. Khi đó, Daiichi Life Việt Nam sẽ thu hồi các quyền lợi bảo hiểm đã được chấp thuận chi trả trước đó và hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng kể từ thời điểm hủy bỏ cho Bên mua bảo hiểm sau khi trừ đi chi phí hợp lý (nếu có). Chi tiết theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm này.

If the Policyholder and/or the Life Insured fails to provide complete and accurate information when applying for the Policy and/or Rider(s), or when requesting reinstatement and/or policy alteration, Daiichi Life Vietnam shall have the right to terminate the Policy and/or Rider(s) or reject such request for reinstatement and/or policy alteration. In such event, Daiichi Life Vietnam shall not pay any insurance benefits in relation to the terminated Policy and/or Rider(s), shall recover any insurance benefits previously approved for payment, and shall refund the premiums paid from the date of termination to the Policyholder after deducting reasonable expenses (if any), in accordance with the Terms and Conditions of this product.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM
POLICY HOLDER'S CONFIRMATION

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

I hereby confirm and acknowledge the following:

1. Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa bán hàng này.

I have understood the product features and benefits of the products illustrated in this Sales Illustration Material.

2. Tôi đã được tư vấn, giải thích chi tiết, đã đọc và hiểu rõ toàn bộ Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm, điều khoản loại trừ, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này. Tôi xác nhận không có bất kỳ thắc mắc, đề nghị làm rõ nào đối với bất kỳ nội dung nào tại Tài liệu minh họa bán hàng này.

I have received consultation, detailed explanations, read, and fully understood the Terms and Conditions of the product(s), exclusions, rights and obligations of the Policyholder, as well as the detailed contents on all pages of this Sales Illustration Material. I confirm that I have no queries or requests for clarification regarding the contents stated in this Sales Illustration Material.

3. Tôi đã hiểu rõ rằng:

I have a clear understanding that:

- Bên mua bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích của mình, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin đầy đủ, chính xác và trung thực theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

The Policyholder is required to comply with all provisions of the insurance policy to ensure their rights and benefits, particularly the obligation to pay premiums and to provide complete, accurate, and truthful information as stipulated in the Terms and Conditions.

- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn. Nếu đóng phí không đầy đủ, không đúng hạn có thể dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực. Khi Bên mua bảo hiểm khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, Daiichi Life Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.

The Policyholder must pay premiums in full and on time. Failure to do so may result in the policy

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ BẢO HIỂM
INSURANCE AGENT'S CONFIRMATION

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

I, the undersigned, acknowledge and undertake that I have truthfully and fully explained and advised the Policyholder on the details of this Sales illustration material as well as the contents of the Terms and Conditions of the insurance product.

lapsing. When reinstating, Daiichi Life Vietnam reserves the right to accept or decline the reinstatement if the Policyholder and the Life Insured(s) do not meet the underwriting requirements.

- Hợp đồng bảo hiểm An Lộc Tích Lũy Thịnh Vượng là một cam kết dài hạn. Bên mua bảo hiểm không nên chấm dứt/hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn vì có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.

The New Endowment policy is a long-term commitment. The Policyholder is advised not to terminate or surrender the policy early, as doing so may result in receiving less than the total premiums paid.

4. Tôi hoàn toàn tự nguyện và đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm này.

I voluntarily agree to participate in the product(s).

Lưu ý: Trường hợp Yêu cầu bảo hiểm nhân thọ được nộp bằng hệ thống nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trực tuyến, Bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm/nhân viên của đại lý bảo hiểm tổ chức sẽ thực hiện xác nhận Tài liệu minh họa bán hàng này bằng việc ký tại Phiếu xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, thay vì ký tại Tài liệu này.

Note: In case the Insurance Application is submitted using the online insurance application submission system, the Policyholder and the Insurance agent/employee of the corporate insurance agent will certify this Sales illustration material by signing the Confirmation of Electronic Data Insurance Application Form, instead of signing this Document.

Ngày ký /Date: ____/____/____

Chữ ký/Signature: _____

Bên mua bảo hiểm/Policyholder: PO

Ngày ký /Date: ____/____/____

Chữ ký/Signature: _____

Đại lý bảo hiểm/Insurance Agent:
Product Dummy Agent

Mã số đại lý/Insurance Agent code:
158424

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC TRANG VÀ CÁC TRANG CÓ CÙNG SỐ TÀI LIỆU MINH HỌA.
THIS SALES ILLUSTRATION MATERIAL IS VALID ONLY IF IT HAS ALL PAGES AND THE PAGES HAVE THE SAME REFERENCE NUMBER.